

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 - Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 550/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước số 1
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Bó Cá
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 47/T8/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 550/BB ngày 14 tháng 8 năm 2025
 Ngày phân tích : 14/8/2025 - 15/8/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.66	2	PP/NTU
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2023
3	Chỉ số pH	-	7.17	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.61	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
7	Pecmanganat	mg/L	0.64	2	TCVN 6186: 1996
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	282	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.09	TCVN 6178:1996
3	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
4	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.99	11	TCVN 6180:1996
5	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod: 0.026</i>	0.1	PP/MN
6	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	343.7	1000	PP/TDS

7	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
8	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

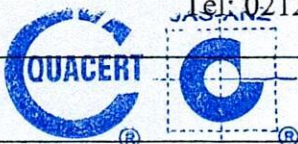
Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- L_{od} của NO₂ được tính theo N = 0.024.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2025.08.28.29/TN



Tên đơn vị thử nghiệm: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La

Loại mẫu: Nước sinh hoạt tại bể chứa Nhà máy nước Bó Cá – XNCN TP Số 1

Số lượng mẫu: 01

Biên bản giao mẫu: Số 2025.08.15/BBGM. Ngày 15 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp phân tích
1	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	1	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ E:2017
2	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
3	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
4	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,03	1,3	SMEWW 3125:2012
5	Bor tính chung cả Borad và axit Boric(*)	mg/l	0,022	2,4	SMEWW 3125:2012
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,0005)	0,003	TCCS HD – 02/01
7	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
8	Chromium (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
9	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
10	Florua(*)	mg/l	< 0,29	1,5	SMEWW 4500F-D:2017
11	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2	TCCS HD – 01/01
12	Mùi (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	SMEWW 2150-B 2023
13	Natri (Na)(*)	mg/l	3,11	200	SMEWW 3125B:2017
14	Nhôm (Al)(*)	mg/l	0,041	0,2	SMEWW 3125B:2017

15	Nickel (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,07	TCCS HD – 02/01
16	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,04	TCCS HD – 03/01
17	Sunfua (S ²⁻)(*)	mg/l	< 0,027	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ D:2017
18	Sunphat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	< 10	250	SMEWW 4500SO ₄ ²⁻ E:2017
19	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
20	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	< 0,025	0,05	SMEWW4500-CN- C.F :2017
21	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)(*)	µg/l	< 0,04	2000	EPA 524.2
22	1,2 – Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)(*)	µg/l	< 0,03	30	EPA 524.2
23	1,2 – Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)(*)	µg/l	< 0,03	50	EPA 524.2
24	Carbon tetrachloride (CCl ₄)(*)	µg/l	< 0,10	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
25	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)(*)	µg/l	< 0,09	20	EPA 524.2
26	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)(*)	µg/l	< 5,0	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
27	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)(*)	µg/l	< 0,02	8	EPA 524.2
28	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)(*)	µg/l	< 0,04	0,3	EPA 524.2
29	Benzen(C ₆ H ₆) (*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
30	Etylbenzen (C ₈ H ₁₀) (*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
31	Pentacholorophenol (C ₆ HCl ₅ O)(*)	µg/l	< 0,15	9	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
32	Styrene(C ₈ H ₈) (*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
33	Toluene(C ₇ H ₈) (*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
34	Xylene(C ₈ H ₁₀) (*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
35	1,2 – Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂) (*)	µg/l	< 10,0	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995

36	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl) (*)	µg/l	< 10,0	300	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
37	Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃) (*)	µg/l	< 0,04	20	EPA 524.2
38	Acrylamide(C ₃ H ₅ NO) (*)	µg/l	< 0,05	0,5	NIOEH.HD.H.PP. 123:2021
39	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO) (*)	µg/l	< 0,10	0,4	GC/ECD
40	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆) (*)	µg/l	< 0,04	0,6	NIOEH.HD.H.PP. 99:2023
41	1,2-Dibromo-3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl) (*)	µg/l	< 0,05	1,0	EPA 524.2
42	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂) (*)	µg/l	< 0,02	40	EPA 524.2
43	1,3 – Dichloropropene (C ₃ H ₆ Cl ₂) (*)	µg/l	< 0,02	20	EPA 524.2
44	2,4-D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃) (*)	µg/l	< 0,06	30	EPA 515.4
45	2,4- DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃) (*)	µg/l	< 0,30	90	EPA 515.4
46	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂) (*)	µg/l	< 4,0	20	GC/FID
47	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S) (*)	µg/l	< 0,20	10	EPA 531.2
48	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro- s- triazine (*)	µg/l	< 0,081	100	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
49	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃) (*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
50	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS) (*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
51	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈) (*)	µg/l	< 0,015	0,2	EPA 508, Revision 3.1, 1995
52	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O) (*)	µg/l	< 1,50	30	GC/EDC
53	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆) (*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
54	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
55	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃) (*)	µg/l	< 0,43	100	EPA 515.4

56	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃) (*)	µg/l	< 1,0	9	GC/EDC
57	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O) (*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
58	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O) (*)	µg/l	< 1,50	9	GC/EDC
59	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃) (*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
60	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃) (*)	µg/l	< 0,19	10	EPA 555
61	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂) (*)	µg/l	< 0,015	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
62	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS) (*)	µg/l	< 0,086	6	NIOEH.HD.H.PP. 129:2023
63	Pendimetalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄) (*)	µg/l	< 1,0	20	EPA 525.2
64	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃) (*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
65	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO) (*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
66	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅) (*)	µg/l	< 0,13	2	NIOEH.HD.H.PP. 130:2023
67	Trifuralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄) (*)	µg/l	< 0,50	20	EPA 525.2
68	2,4,6 Triclorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH) (*)	µg/l	< 0,15	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
69	Bromat (BrO ₃ ⁻) (*)	µg/l	< 1,5	10	NIOEH.HD.H.PP. 94:2022
70	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂) (*)	µg/l	1,11	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
71	Bromoform(Bromofoc) (CHBr ₃) (*)	µg/l	0,98	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
72	Clorofom (CHCl ₃)(*)	µg/l	< 0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
73	Dibromoaxetonitrile (C ₂ HBr ₂ N) (*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
74	Dibromocloromethane (CHBr ₂ Cl) (*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
75	Dicloroaxetonitril (C ₂ HCl ₂ N)	µg/l	< 0,001	20	EPA 551.1
76	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂) (*)	µg/l	< 0,242	50	US EPA 552.2

77	Focmaldehyde (CH ₂ O)(*)	µg/l	< 0,02	500	NIOEH.HD.H.PP. 116:2023
78	Monocloramine (NH ₃ Cl)(*)	µg/l	< 0,15	3000	TCVN 6225-2:2012
79	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂) (*)	µg/l	< 0,242	20	US EPA 552.2
80	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂) (*)	µg/l	< 0,079	200	US EPA 552.2
81	Tricloroaxetonitrile (C ₂ Cl ₃ N) (*)	µg/l	< 0,003	1	US EPA 551.1
82	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	0,011	0,1	Tham chiếu TCVN 6053: 2011
83	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	0,15	1,0	Tham Chiếu TCVN 6219: 2011



Sơn La, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Thử nghiệm viên

Là Văn Khải

Kiểm soát

Đỗ Mạnh Thắng

Giám đốc

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 05 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 - Chiềng Lè, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 551/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước số 1
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Nguyễn Thị Phương – Số nhà 95
 đường Chu Văn Thỉnh – Tổ 1 – Phường Tô Hiệu
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 48/T8/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 551/BB ngày 14 tháng 8 năm 2025
Ngày phân tích : 14/8/2025 - 15/8/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.24	2	PP/NTU
2	Mùi, vị (*)	-	Không mùi, không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
3	Màu sắc	TCU	4.08	15	SMEWW 2120C:2023
4	Chỉ số pH	-	7.18	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.47	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
7	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.08.28.27/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mang lưới XNCN TP Số 1 (vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Thị Phương – SN 95 – đường Chu Văn Thỉnh – tổ 1 – phường Tô Hiệu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.08.15/BBGM. Ngày 15 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 28 tháng 08 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 - Chiềng Lè, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 552/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước số 1
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Tuấn – SN 140 – đường Chu Văn
 Thịnh – Tổ 2 – Phường Tô Hiệu
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 49/T8/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 552/BB ngày 14 tháng 8 năm 2025
 Ngày phân tích : 14/8/2025 - 15/8/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.34	2	PP/NTU
2	Mùi, vị (*)	-	Không mùi, không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
3	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2023
4	Chỉ số pH	-	7.18	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.36	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
7	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2025

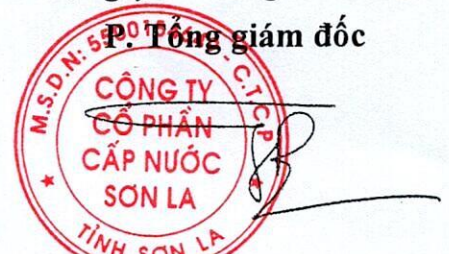
**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.08.28.28/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới XNCN TP Số 1 (vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Tuấn – SN 140 – đường Chu Văn Thịnh – tổ 2 – phường Tô Hiệu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.08.15/BBGM. Ngày 15 tháng 08 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 28 tháng 08 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Đỗ Mạnh Thắng



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 - Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 559/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước số 1

Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt khách sạn Hoa Ban Trắng – Số 31 – Đường 3/2 – P.Quyết Thắng

Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 56/T8/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 559/BB ngày 20 tháng 8 năm 2025

Ngày phân tích : 20/8/2025



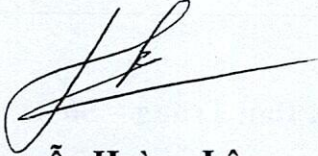
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.97	2	PP/NTU
2	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
3	Màu sắc	TCU	8.72	15	SMEWW 2120C:2023
4	Chỉ số pH	-	7.34	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Pecmanganat	mg/L	0.38	2	TCVN 6186: 1996
7	Amoni – N	mg/L	0.05	1	PP/AM
8	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

9	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
---	---------------	---------------	---	-----	------------------

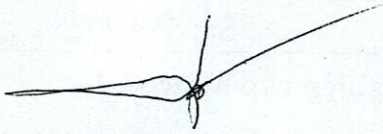
Sơn La, ngày 24 tháng 8 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 - Chiềng Lê, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 553/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
Vị trí lấy mẫu : Xưởng nước lọc tinh khiết Sowa
Loại mẫu : Nước uống tinh khiết đóng bình - Mã số 50/T8/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 533/BB ngày 14 tháng 8 năm 2025
Ngày phân tích : 14/8/2025 - 15/8/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 06-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.09	-	PP/NTU
2	Mùi, vị (*)	-	Không mùi, không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
3	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2023
4	Chỉ số pH	-	7.75	-	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	0	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	0	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến. (*) Thông số thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.